

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2022

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoài Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Danh U Nhỏ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị A - sinh năm 1968 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn U - sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/4/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị A trình bày:** Tôi và ông U có tìm hiểu nhau trước được khoảng 01 năm nên đến năm 1988, chúng tôi tự nguyện sống chung như vợ chồng không có tổ chức đám theo phong tục địa phương. Hôn nhân tự nguyện nhưng vợ chồng tôi không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông U hay ghen tuông vô cớ rồi chửi bới, hành hạ, đánh tôi nhiều lần nhưng ông U không sửa đổi. Lúc đó còn nhỏ nên tôi cố gắng chịu đựng để lo cho con. Đến năm 2008, tôi không chịu đựng được nên bỏ lên Thành phố Hồ Chí Minh đi làm được một thời gian thì chồng tôi lên tìm gặp tôi nên vợ chồng hàn gắn và cùng nhau đi làm nhưng không được bao lâu thì chồng tôi lại chửi và đánh tôi như trước, tôi cũng cố nhịn để lo cho con. Tuy nhiên, khoảng 5 năm gần đây thì ông U hành hạ, đe dọa,

đánh tôi nên tôi và ông U đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Huỳnh Văn U.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung tên Huỳnh Thanh Tân H - sinh ngày 07/12/1989 và Huỳnh Văn Ph - sinh ngày 19/12/1990, hiện nay các con đang đã trưởng thành và có gia đình, tự làm nuôi sống bản thân nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với ông Huỳnh Văn U.

Về con chung: Các con đã trưởng thành và có gia đình, tự làm nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Như trình bày trên nên tôi không có yêu cầu thêm gì.

Đối với ông Huỳnh Văn U trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông U nhiều lần nhưng ông vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Trương Thị A và ông Huỳnh Văn U là vợ chồng. Về con chung: Bà A xác định bà và ông U có 02 người con chung tên Huỳnh Thanh Tân H - sinh ngày 07/12/1989 và Huỳnh Văn Ph - sinh ngày 19/12/1990, hiện nay các con đang đã trưởng thành và có gia đình, tự làm nuôi sống bản thân nên bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:** Tranh chấp giữa bà Trương Thị A và ông Huỳnh Văn U là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Huỳnh Văn U được Tòa án tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông U không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông U là phù hợp.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trương Thị A xác lập quan hệ hôn nhân với ông Huỳnh Văn U vào năm 1988, có tổ chức đám cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 08 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Trương Thị A và ông Huỳnh Văn U là vợ chồng.

**[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy:** Dù hôn nhân của bà A và ông U là hôn nhân tự nguyện nhưng trước khi kết hôn ông bà có tìm hiểu nhau trước nhưng chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau vì vậy khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Bà A cho rằng ông U hay ghen tuông vô cớ rồi chửi bới, hành hạ đánh bà nhiều lần nhưng ông U không sửa đổi nên bà và ông U đã ly thân cách từ tháng 4/2020 đến nay. Ngày 25/01/2022 và ngày 18/02/2022 Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông U không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông U. Xét thấy, vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2020, tại phiên tòa bà A tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và yêu thương ông U nên cương quyết xin ly hôn với ông. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn ông bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Trương Thị A và ông Huỳnh Văn U là vợ chồng.

Đối với ông Huỳnh Văn U, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà ông tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông U không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông. Đồng thời, chính quyền địa phương xác định ông đi làm nhưng ông đi rồi về chứ không có bỏ địa phương. Từ đó, cho thấy ông U đã biết được nội dung yêu cầu xin ly hôn củ bà A. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông theo qui định của pháp luật.

**[3] Về con chung:** Bà Trương Thị A và ông Huỳnh Văn U xác định ông bà có 02 người con chung tên Huỳnh Thanh Tân Hòa - sinh ngày 07/12/1989 và Huỳnh Văn Phúc - sinh ngày 19/12/1990, hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình, tự làm nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[4] Về tài sản chung:** Bà Trương Thị A xác định bà và ông Huỳnh Văn U đã tự nguyện thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[5] Về nợ chung:** Bà Trương Thị A xác định bà và ông Huỳnh Văn U không thiếu nợ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là:** 300.000 đồng bà Trương Thị A phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà A được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002769 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Trương Thị A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

-Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Trương Thị A và ông Huỳnh Văn U là vợ chồng.

- Về con chung: HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng bà Trương Thị A phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà A được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002769 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Trương Thị A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2022).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Phước A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoài Thanh**